

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 46

Phẩm thứ hai mươi tám: THẬP THÔNG

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 44 trong kinh).

A- Ý ĐƯA RA Bởi vì giải đáp câu hỏi về mười Thông trong Hội thứ hai, dùng hai phẩm để trình bày về nghiệp dụng rộng lớn, phẩm trước nói về Định, phẩm này nói về Thông, nghĩa theo thứ tự, cũng bởi vì dựa vào Định mà phát khởi Thần thông.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Thông tức là Thần thông, Diệu Dụng khó suy lường gọi là Thần, tự tại không có ngăn che gọi là Thông. Diệu Dụng không có cuối cùng nhờ vào số mười để hiển bày tròn vẹn.

Bản kinh thời Tấn và kinh Bồ Nhị Nghiệp đều gọi là Thập Minh, bởi vì soi chiếu tường tận không có gì sót. Nhưng mà Thông và Minh, kinh-luận đều khác nhau, bởi vì luận Trí Độ quyển thứ 3 nói: “Thẳng thẳng nhận biết về sự việc của Túc mạng ở quá khứ là Thông, nếu nhận biết về hành nghiệp-nhân duyên ở quá khứ thì gọi là Minh...” Nay theo kinh này, Thông tức là soi chiếu tường tận, cũng có thể gọi là Minh, như văn mở rộng trình bày. Vì vậy văn sau Kinh nói: Không phải là cảnh giới Thông-Minh của các Bồ-tát. Ý của bản kinh thời Tấn giữ lại thuận theo nghĩa, nay người dịch chủ yếu là không trái với văn.

C- TỔNG THỤ: Dụng tự tại của Trí làm Tông, vì đầy đủ phần vị Đẳng giác thâm nhiếp giáo hóa không có phân biệt (Vô phương) làm Thụ.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Trường hàng phân làm bốn: Một- Đưa ra số lượng nêu lên nói cho biết; Hai- Đưa ra số lượng nêu lên giải thích; Ba- Tổng quát ca ngợi về công năng thù thắng; Bốn- Kết luận số lượng phân rõ về quả.

Phần một- Đưa ra số lượng nêu lên nói cho biết. Nói là mười: 1-

Tha tâm; 2- Thiên nhãn; 3- Nhận biết về Túc trú của kiếp quá khứ; 4- Tận cùng đời kiếp của thời gian vị lai; 5- Thiên nhĩ thanh tịnh vô ngại; 6- Không có Thể tánh-không có động tác đi đến tất cả thế giới của chư Phật; 7- Khéo léo phân biệt tất cả ngôn từ; 8- Hiện bày vô số sắc thân; 9- Trí nhận biết tất cả các pháp; 10- Tiến vào Tam-muội Diệt tận tất cả các pháp.

Mười loại này đều nói là Trí Thông, bởi vì đều dùng Đại Trí làm Thể tánh. Nếu nói theo tướng, thì tám loại trước là Lượng Trí, hai loại sau là Lý Trí. Căn cứ vào Thật, chỉ là một Đại Trí vô ngại.

Mười loại này cũng là sáu Thông ấy tách ra, bởi vì Thiên nhãn-Thiên nhĩ-Thần túc-Lậu tận, đều phân làm hai. Thiên nhãn dựa theo nhìn thấy hiện tại-vị lai, phân ra thành loại thứ hai-thứ tư. Thiên nhĩ dựa theo âm thanh-ngôn từ, phân ra thành loại thứ năm-thứ bảy, cũng là dựa theo nghe đến Thánh giáo và các loại ngôn từ. Thần túc dựa theo nghiệp dụng và sắc thân, phân ra thành loại thứ sáu-thứ tám. Lậu tận dựa theo Tuệ-Định, phân ra thành loại thứ chín-thứ mười. Loại thứ nhất-thứ ba không phân ra, cho nên sáu làm thành mười.

Nhưng Trí-Dụng thuộc mười Thông của Tiểu thừa có giới hạn, Trí-Dụng thuộc mười Thông của Tam thừa thì bình thường rộng khắp mà cũng không phải là uyển chuyển đến cùng. Nay Trí-Dụng thuộc mười Thông của Nhất thừa, trùng trùng rộng khắp pháp giới, giống như lưới giăng của Đế Thích, mà niệm-kiếp viên dung, hãy còn vượt qua Minh ấy, hướng hồ đối với Dụng của Thông. Bởi vì hiển bày ý nghĩa tròn vẹn mà tách ra thành mười Thông.

Trong phần hai- Từ “Hà giả...” trở xuống là đưa ra số lượng nêu lên giải thích: Trước là tổng quát đưa ra; sau từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt giải thích về mười Thông, tức là mười đoạn, mỗi đoạn đều có ba mục: Nêu lên-giải thích và kết luận.

Đoạn 1: Tha tâm thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Nói là Tha Tâm, bởi vì Trí dùng Tha tâm làm sở duyên. Nếu thẳng thắn dựa vào sở duyên, thì nên gọi là Tâm sai biệt thông. Hoặc là tâm sở, hoặc là tâm vương, chủng loại có nhiều loại mà đều có thể nhận biết, đều dựa vào chủ nhận lấy tên gọi. Nhưng Trí duyên với Tha tâm, thì các thuyết không giống nhau.

Luận sư An Tuệ nói: “Trí Phật duyên với Tha tâm, duyên đạt được sắc chất vốn có (Bản chất), còn lại đều là hình ảnh biến hiện (Ảnh biến).”

Luận sư Hộ Pháp thì Phật cũng là hình ảnh biến hiện. Nếu duyên

với sắc chất vốn có mà đạt được pháp ngoài tâm, thì hủy hoại Duy Thức, nhưng cuối cùng tựa như sắc chất vốn có, mà có khác nhau bởi vì con người. Hộ Pháp dựa vào Tông Duy Thức làm chính.

Theo kinh này hướng về trước cũng không sai, bởi vì thâm nhiếp cảnh thuận theo tâm mà không hủy hoại cảnh, chủ động-thụ động đều mất mà không ngăn ngại tồn tại. Duy tâm Đệ nhất nghĩa không phải một-không phải khác, bởi vì lúc đang duyên với Tha tức là Tự. Dùng tâm chúng sinh dựa vào tâm Phật, không phải là tâm Phật dựa vào tâm chúng sinh làm sở duyên; dùng tâm Phật dựa vào tâm chúng sinh, không phải là tâm chúng sinh dựa vào tâm Phật làm năng duyên. Dung thông như vậy, cho nên không phải một-không phải khác. Nếu tách lìa ngoài Phật mà có chúng sinh khác, lại cần đến hình ảnh biến hiện, thì trái lại mất đi nghĩa về Duy Thức chân thật.

Trong mục hai- Từ “Tri nhất...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai: 1- Nhận biết về một thế giới; 2- Từ “Như nhất...” trở xuống là lấy ít tướng tự với nhiều.

Trong mục 1- Nhận biết về một thế giới, có ba: a- Tổng quát; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt; c- Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận.

Trong mục b là riêng biệt, có ba mươi loại tâm, thiếu loại thứ ba là Vô ký, bản kinh thời Tấn có đủ. Trong đó: Mười loại trước là dựa theo tướng để tổng quát hiển bày, hai mươi loại sau dựa theo con người để riêng biệt hiển bày.

Trong mười loại trước: Hai loại đầu dựa theo Tánh để tổng quát bao gồm các tâm. Hai loại tiếp dựa theo Hành, bởi vì bao gồm cứu giúp người chỉ có nghiệp thiện (Độc thiện). Hai loại tiếp dựa theo Báo, bởi vì loài trời lớn-loài người nhỏ. Bốn loại trên chỉ là thiện. Bốn loại tiếp dựa theo hướng về và rời xa (Hướng bối) mà thuận theo bao gồm ba Tánh. Thiện chỉ là hữu lậu, Bối chỉ là thiện, bao gồm hữu lậu và vô lậu.

Trong hai mươi loại sau, dựa theo con người để phân rõ: Sáu loại đầu dựa theo Thừa, ba loại trước là Quả, ba loại sau là Nhân, tức là rời xa tâm sinh tử và tâm rộng rãi-hẹp hòi trước đây. Tám loại tiếp dựa theo chủng loại, tức là thuận theo sinh tử và tâm rộng lớn-nhỏ bé trước đây. Địa ngục... dựa theo nơi chốn (Thú), cũng thuận theo sinh tử là tâm bất thiện. Còn lại đều có thể biết.

Đoạn 2: Thiên nhãn thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Nói là Vô ngại, bởi vì nhìn thấy tự tại. Thanh tịnh, là bởi vì lìa xa chướng ngại. Thiên nhãn tức là Thông.

Trong mục hai- Từ “Kiến vô lượng...” trở xuống là giải thích, phân ba:

Mục 1- Tổng quát trình bày về nhiều thế giới khác nhau, như nẻo thiên-ác... Những đoạn sau mở rộng ra như phẩm Vấn Minh.

Mục 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt trình bày về nhiều loại chứ không phải là một, tùy theo mỗi một loại có tội lỗi... trước đây.

Mục 3- Từ “Như thị chủng chủng...” trở xuống là soi chiếu tướng tận rõ ràng, trước chỉ nhìn thấy về tướng hiện rõ của loại ấy, ở đây là soi chiếu về nhân duyên của loại ấy.

Tên gọi của Thập Minh từ đó mà lập, trong đó: a- Có thể nhìn thấy rõ ràng; b- Từ “Tùy sở...” trở xuống là đã nhìn thấy rõ ràng, nói tùy theo mọi điều, là đã nhận biết không phải là một; c- Từ “Tất giai...” trở xuống là kết luận về không có sai lầm. Văn đều có thể biết.

Đoạn 3: Túc trú thông.

Trong mục một-Nêu lên tên gọi: Sự việc biến đổi trước đây gọi là Túc trú, ghi nhớ rõ ràng thuộc về quá khứ là Tùy niệm, tức là tùy theo nghĩ đến thuộc về đời trước, là Thông về Túc trú tùy niệm.

Trong mục hai-Từ “Năng tri...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai:

Mục 1- Nhận biết tất cả sự việc, trong đó: a- Tổng quát; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt.

Mục 2- Từ “Hựu ức quá khứ...” trở xuống là nhận biết về Phật sự, trong đó cũng có hai: a- Dựa theo cảnh giới hiển bày về nhiều, chỉ nhận biết về quả ấy; b- Từ “Hựu ức niệm...” trở xuống là dựa theo con người hiển bày về nhiều, bao gồm nhận biết về nhân của điều ấy, đều do Bồ-tát đạt được ánh mắt nhìn thấy chín đời, mà như nhìn thấy hiện tại. Nếu không như vậy thì pháp quá khứ, hoặc là không rơi rụng thì không gọi là quá khứ, hoặc là đã rơi rụng thì không có pháp có thể nhận biết. Nếu chỉ từng trải qua trong tâm, mà có bóng ảnh của chủng tử hiện rõ trước mắt, cho nên nói là nhớ biết, vậy thì chỉ nhìn thấy tự tâm chứ không nhìn thấy pháp ấy. Lại không hề trải qua sự việc thì lẽ ra không nhớ biết. Lại chỉ nhìn thấy hiện tại chứ không phải là quá khứ, sao gọi là Túc trú? Văn còn lại có thể biết.

Đoạn 4: Tri kiếp thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Cũng thuận theo cảnh mà nhận lấy tên gọi.

Trong mục hai- Từ “Tri bất khả thuyết...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai: 1- Nhận biết về phàm phu; 2- Từ “Hựu tri...” trở xuống

là nhận biết về Phật.

Trong mục 1 cũng có hai: a- Trình bày về kiếp đã nương tựa, chỉ nhờ vào nhiều cảnh giới để hiển bày về nhiều kiếp, không có phạm vi giới hạn, tên gọi và đoạn sau, đều tận cùng vị lai, bởi vì phần vị này đã nhận biết giống như Phật. b- Từ “Nhất nhất...” trở xuống là hiển bày sự việc có thể nương tựa, nghĩa như trong Thập Địa phân rõ.

Nhưng theo tông chỉ Đại thừa, pháp của đời vị lai thì Thể-Dụng đều không có, nay vì sao nhận biết? Bởi vì dựa vào giáo phương tiện, chỉ nhìn thấy chủng tử của nhân hiện tại, nhận biết về tướng của quả vị lai, không phải là nhìn thấy Thể của pháp vị lai.

Nếu theo tông chỉ Nhất thừa, thì ở trong chín đời, Thể-Dụng của hiện tại trong vị lai đều có, nay phù hợp với Thật mà nhận biết, nhưng không phải là hiện tại của hiện tại, cho nên gọi là vị lai.

Thể-Dụng này có, nếu là tánh có thì giống như Tiểu thừa, nếu là duyên có thì duyên hiện tại chưa từng có, vì sao nói là có? Nếu thấy thời gian hiện tại duyên-tánh đều không có, bởi vì là hiện tại, thì vị lai chắc chắn không có. Nếu thấy đूर्đi theo thời gian vị lai, bởi vì là hiện tại của vị lai, thì vẫn có như hiện tại.

Đoạn 5: Thiên nhĩ thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Lược bớt không có Trí Thông. Nếu thẳng thắn nói là Thiên nhĩ, thì ngay nơi Thể mà nhận lấy tên gọi. Nếu chọn lấy Thiên nhĩ thanh tịnh vô ngại, thì dựa vào có đức nghiệp mà nhận lấy tên gọi.

Trong mục hai- Từ “Viên mãn...” trở xuống là giải thích về tướng, có ba: 1- Tổng quát hiển bày về đức nghiệp tự tại; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt nêu ra nghiệp dụng của một phương; 3- Từ “Như Đông phương...” trở xuống là nêu ra một phương để ví dụ các phương khác.

Mục 1- Tổng quát hiển bày về đức nghiệp tự tại, có chín câu đều dựa theo Dụng để phân rõ về đức. Nêu lên tên gọi trước đây tức là câu tổng quát: 1- Viên mãn là bởi vì có thể sử dụng lẫn nhau. 2- Bởi vì nghe khắp mười phương và chín đời. 3- Bởi vì cùng một lúc nhìn thấy rõ ràng tất cả nguồn gốc ấy. 4- Bởi vì lìa xa hai chướng. 5- Bởi vì hiểu rõ về pháp đã nhận biết. 6- Bởi vì duyên không thể nào ngăn ngại. 7- không phải như Quyền-Tiểu nghe có phạm vi giới hạn, bởi vì trùng trùng không cùng tận. 8- Bởi vì đã chứng được. 9- Bởi vì đối với tất cả đều tự tại, nghĩa là muốn nghe thì nhỏ bé xa xôi không có gì rời bỏ, muốn không nghe thì gần kề to lớn không gây trở ngại, cho nên nói là

tự tại.

Trong mục 2: Là riêng biệt nêu ra nghiệp dụng của một phương, có hai: a- Nêu lên nhiều vị Phật, muốn hiển bày về nghe nhiều. b- Từ “Thị chư Phật...” trở xuống là hiển bày về nghe nhớ duy trì.

Trong mục b có hai: Trước là nghe và duy trì giáo pháp, tùy theo giải thích có thể biết. Sau từ “Hựu ư...” trở xuống là hiển bày về duy trì viên mãn, tức là tướng chủ động duy trì.

Trong mục sau có hai tiết: Một- Nêu ra pháp đã duy trì, văn trên bao gồm hiển bày về pháp mà Phật đã thuyết giảng, nay phân rõ về pháp đã thuyết giảng sai biệt; Hai- Từ “Ư bỉ...” trở xuống là phân rõ về tướng chủ động duy trì, bao gồm trình bày về chuyển hóa. Văn còn lại có thể biết.

Đoạn 6: Vô Thể tánh trí thông.

Trong mục một- Nêu lên tên gọi, có mười bốn tên gọi: Một tên gọi đầu là tổng quát nói thông, tức là Vô Thể Tánh, tên gọi còn lại đều riêng biệt.

Trong riêng biệt: 1- Tác dụng không nhờ công sức; 2- Bình đẳng giống như lý; 3- Tự nhiên có khắp mọi nơi; 4- Mức lượng khó nhận biết; 5- Không phải là dựa vào Thể khởi Dụng; 6- Chỉ tùy theo niệm mà hiện ra; 7- Hiện ra là có tác dụng; 8- Không thay đổi nơi chốn ban đầu; 9- Thực hiện thì chắc chắn đến cuối cùng; 10- Dụng không có gián đoạn, cũng không đoạn dứt Phật chủng; 11- Người khác không thể nào hủy hoại; 12- Có thể sinh khởi thiện căn; 13- Tùy theo đến nơi nào.

Ở trong mười ba tên gọi, thì loại thứ nhất-thứ hai-thứ năm và thứ tám là nghĩa của Vô Thể tánh, những loại còn lại là nghĩa của Thân thông. Hai loại này không có ngăn ngại cho nên nhận lấy tên gọi ấy.

Trong mục hai- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là giải thích về tướng, có ba: 1- Trình bày về rộng lớn, nghĩa là nghe nhiều danh hiệu Phật ở nhiều thế giới, tức là thấy thân ở nhiều thế giới ấy; 2- Từ “Bỉ chư thế giới...” trở xuống là trình bày về nghĩa vô lượng không dấy khởi..., nghĩa là lại ở nơi Đức Phật ấy, nghe nhiều về danh hiệu Phật, liền hướng đến cung kính hầu hạ tiếp nhận đạo pháp mà không có gì vướng mắc; 3- Từ “Như thị kinh...” trở xuống là trình bày về nghĩa không gián đoạn, nghĩa là trải qua nhiều thời gian mà Thể-Dụng không có gì ngăn ngại.

Đoạn 7: Thiện phân biệt ngôn âm thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Thuận theo pháp đã hiểu rõ mà có được tên gọi, tức là Y chủ mà thiết lập tên gọi; nếu thuận theo pháp đã phát khởi mà có được tên gọi, thì bao gồm Trì nghiệp.

Trong mục hai- Từ “Tri bất khả thuyết...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai: 1- Nhận biết về ngôn từ, có nêu lên-đưa ra và kết luận; 2- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về phát ra ngôn từ, nghĩa là tùy theo ý thích sai biệt mà phát ra ngôn từ, có Pháp-Dụ và Hợp. Văn đều có thể biết.

Đoạn 8: Sắc thân trang nghiêm trí thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Dựa vào pháp đã hiện rõ mà có được tên gọi, tức là Hữu tài mà thiết lập tên gọi.

Trong mục hai- Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là giải thích về tướng, có ba: 1- Nhận biết về không có Sắc, bởi vì Sắc tức là Không; 2- Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là trình bày về chủ động hiện rõ Sắc, bởi vì Không tức là Sắc; 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là cùng trình bày về không có Sắc mà hiện rõ Sắc, bởi vì những việc làm không ngăn ngại Bi.

Mục 1- Nhận biết về không có Sắc, bởi vì hiểu rõ về pháp giới không có Sắc thật sự chắc chắn, nêu ra Thể tức là Không chứ không phải là Đoạn Không, không có Sắc trong Không mà không ngăn ngại Sắc, còn mất-ẩn hiện mà đều tự tại, mới có thể tùy theo ý thích hiện rõ các loại Sắc, cho nên trước phải trình bày về điều đó.

Trong văn có sáu câu: Một câu đầu là tổng quát nhận biết về tánh của Sắc lìa xa tướng, bởi vì cũng không có pháp nào mà làm thành Không. Năm câu còn lại là riêng biệt trình bày về lìa xa tướng như thế nào: 1- Lìa xa tướng sai biệt như thô-tế-dài-ngắn..., bởi vì cùng một Thể thuộc về Vô sinh. 2- Tướng khác nhau đủ loại mà hư giả. 3- Tướng nhiều vô lượng mà tách lìa, lại không có lớn-nhỏ mà bật dứt phân lượng. 4- Chỉ phân biệt hư vọng mà mong cầu không thể được, hai kiến chấp về Sắc-Không đều do tình thức chọn lấy, dựa vào và không dựa vào mà kiến chấp ấy bật dứt. Bốn câu trên bao gồm hiển bày về hình tướng. 5- Lìa xa tướng hiển bày dựa vào so sánh mà có.

Trong mục 2 là chủ động hiện rõ Sắc: a- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau, bởi vì Sắc ngay nơi Không là Diệu Sắc. Vả lại, Không-Sắc không hai mà thành Chân Không bậc Thượng, không hai mà hai thì Diệu Sắc ấy hiện rõ, Sắc-Không dung hòa tức là Chân pháp giới, Duyên khởi vô tận ngay nơi một mà hiện ra nhiều. b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày không giống nhau, có một trăm lẻ ba loại, hoặc là thuận theo Sắc Tướng mà thiết lập tên gọi, hoặc là dựa vào Đức Dụng mà nhận lấy tên gọi, có thể dùng ý để tìm hiểu. Nhưng như vậy đều là Sắc xứng với pháp giới, thay đổi ngăn ngại không giống nhau,

chỉ tùy theo pháp đã hiển bày để thiết lập tên gọi của Sắc.

Trong mục 3 là cùng trình bày về những việc làm: a- Kết thúc phần trước; b- Từ “Kim sở hóa...” trở xuống là hiển bày về những việc làm, có mười câu đều có thể biết.

Đoạn 9: Nhất thiết pháp trí thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Thuận theo pháp đã nhận biết như Chân-Tục... mà nhận lấy tên gọi.

Trong mục hai- Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai: 1- Trình bày về pháp nhận biết, tức là bên trong chứng đạt Sự-Lý; 2- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về pháp thuyết giảng, tức là bên ngoài làm lợi ích cho chúng sinh. Cũng là trước trình bày ngay nơi Sự luôn luôn là Lý, sau trình bày ngay nơi Lý luôn luôn là Sự, bởi vì Dụng-Tịch, Tịch-Dụng không có chướng ngại.

Mục 1- Trình bày về pháp nhận biết, lại có hai: a- Dựa theo lìa xa ngôn từ để hiển bày về Thật; b- Từ “Vô ngã...” trở xuống là dựa theo hai Không để hiển bày về Thật.

Mục a- Ba câu đầu, toàn bộ hiển bày về Thật: 1- Bởi vì tên gọi không có công dụng đạt được vật; 2- Do duyên mà thành cho nên Vô tánh; 3- Bởi vì Thể bật dứt đến-đi. Ba câu sau đối lập với nhau hiển bày về Thật.

Nhưng ba cặp này giải thích có ba nghĩa: 1- Chỉ dựa theo hiển bày về Thật, bởi vì đối đãi với nhau mà Không, Tướng khác nhau không có lẫn nhau, cho nên nói là không khác nhau, ngăn chặn khác nhau nói là không khác nhau; cũng không có gì không khác nhau, làm sao có thể nói là tất cả đều khác nhau? 2- Dựa theo cùng hiển bày thì Thể không khác nhau mà tất cả Tướng đều khác nhau. 3- Dựa theo cùng ngăn chặn, thì Tướng tức là Tánh cho nên không phải là khác nhau, Tánh tức là Tướng cho nên tất cả đều khác nhau.

Vả lại, Tướng không phải là Tướng cho nên không khác nhau, Tánh không phải là Tánh cho nên tất cả đều khác nhau, bởi vì lìa xa hai bên, không trú vào Trung đạo. Hai cặp sau ví dụ nhận biết.

Trong mục b là dựa theo hai Không để hiển bày về Thật, cũng ba cặp đầu là toàn bộ hiển bày về Thật. Vô tỷ là bởi vì không có Ngã sở cùng với Ngã để so sánh đối đãi. Hai cặp còn lại có thể biết. Từ “Vô thật...” trở xuống cũng bao gồm ba nghĩa giải thích, dựa theo trước có thể nhận biết.

Lại dựa theo hiển bày Thật để giải thích: 1- Hư và Thật đều do duyên mà hiển bày; 2- Pháp tánh không cùng với Chân bởi vì một tướng,

một cũng không phải một bởi vì Vô tướng, có và không có đều là pháp đối đãi, không có pháp cùng với không phải pháp chỉ là mượn để thi thiết, đều dựa vào Thật mà tìm cầu, chủ động đối trị và thụ động đối trị, tất cả đều vắng lặng. Còn lại đều phỏng theo đây.

Trong mục 2, là trình bày về pháp thuyết giảng, bên ngoài làm lợi ích cho chúng sinh, có ba: a- Nhắc lại thành tựu Trí trước đây, bởi vì làm chỗ dựa khởi Dụng. b- Từ “Bất xả...” trở xuống là chính thức trình bày về thuyết pháp. c- Từ “Tuy tri Thật tướng...” trở xuống là Tịch-Dụng vô ngại, trong đó có ba: Đầu là Tịch mà không ngăn ngại Dụng; tiếp từ “Tuy hữu ngôn thuyết...” trở xuống là Dụng mà không ngăn ngại Tịch; sau từ “Ư bất nhị...” trở xuống là Tịch-Dụng không hai.

Đoạn 10: Diệt định trí thông.

Mục một- Nêu lên tên gọi: Nói tất cả các pháp diệt tận, nghĩa là pháp của năm Tu đều vốn là Thể tịch diệt. Đây tức là Diệt thuộc về Lý, không giống như Diệt định của các Tông khác, chỉ trình bày Diệt thuộc về Sự, chỉ diệt pháp tâm sở của tâm thứ sáu-thứ bảy, không diệt tâm thứ tám... Bởi vì chỉ là Diệt thuộc về Sự, cho nên không có thể ngay nơi Định mà Dụng. Bởi vì chứng Diệt thuộc về Lý, cho nên Định-Tán không có ngăn ngại. Bởi vì ngay nơi Sự mà Lý cho nên không ngăn ngại Diệt, ngay nơi Lý mà Sự cho nên không ngăn ngại Dụng, vì vậy vẫn nói: Tuy niệm niệm tiến vào mà không phế bỏ đạo Bồ-tát...

Cũng không phải tâm Định mà thân khởi Dụng, cũng không trình bày riêng về Định-Tán cùng bất dứt, bởi vì chỉ là Sự-Lý vô ngại. Địa thứ bảy trước đây nói: Tuy thực hành Thật tế mà không Tác chứng, có thể niệm niệm tiến vào, cũng niệm niệm rời khỏi. Và kinh Tịnh Danh nói: “Không rời khỏi Diệt định mà hiện rõ các oai nghi.” Đây là nghĩa này.

Bởi vì Sự-Lý không phải là một, cho nên Thần thông của tất cả các pháp diệt tận không phải là khác nhau. Diệt tận tức là Thần thông, bao gồm hai cách giải thích.

Trong mục hai- Từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai: 1- Trình bày về Thể-Dụng tự tại ngay nơi Định; 2- Từ “Thử Bồ-tát trú Tam-muội thời...” trở xuống là trình bày về thời gian tự tại tiến vào Định.

Trong mục 1- Trình bày về Thể-Dụng tự tại ngay nơi Định, cũng có hai: a- Nêu lên tiến vào Định. b- Từ “Diệc bất thối...” trở xuống là trình bày về không ngăn ngại Dụng, trong đó: Hai câu đầu là tổng quát, chưa làm không lui sụt, đang làm không rời bỏ, chính là chọn lấy Diệt

thuộc về Sự để hiển bày Diệt thuộc về Chân. Những câu còn lại là riêng biệt trình bày, văn hiển bày có thể biết.

Trong mục 2, là trình bày về thời gian tự tại tiến vào Định, có ba: a- Dài ngắn tùy theo tâm; b- Từ “Bồ-tát nhập thử...” trở xuống là oai nghi không thay đổi; c- Từ “Tuy ư hữu vô...” trở xuống là không ngăn ngại khởi Dụng, Định-Tán cùng thực hành, trong đó trước Pháp, sau là Dự. Bóng ánh sáng hiện rõ khắp nơi, vắng lặng vô tâm, tùy theo đồ đựng với-đầy, mà Thể không có đến-đi.

Mục ba- Từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

Phần ba: Từ “Phật tử, Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát ca ngợi về công năng thù thắng, có hai: 1- So sánh yếu kém để hiển bày về thù thắng, bởi vì yếu kém không suy lường được; 2- Từ “Duy trừ...” trở xuống là dùng thù thắng để hiển bày về thù thắng, nghĩa là chư Phật... mới suy lường được.

Phần bốn: Từ “Phật tử, thị vi...” trở xuống là kết luận số lượng phân rõ về quả, văn hiển bày có thể biết.
